TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 6 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn giữa bà T và ông T

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Thành;

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Phương Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 250/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị T, sinh năm 1962;

Địa chỉ thường trú: Ấp E, xã L, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ tạm trú: Ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1965;

Địa chỉ thường trú: Ấp E, xã L, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2026, nguyên đơn bà Đinh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị T và ông Huỳnh Thanh T1 tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 1983 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2012, giữa bà T và ông T1 phát sinh mâu

thuẫn trầm trọng và hai người đã ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 có hành vi vi phạm nghĩa vụ một vợ một chồng, tự ý bỏ mặc gia đình để chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Ông T1 không còn quan tâm, chăm sóc vợ con, thiếu trách nhiệm trong đời sống chung, dẫn đến không khí gia đình luôn căng thẳng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống tinh thần của các thành viên. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, khuyên can nhưng ông T1 không thay đổi. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà Đinh Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T1.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Huỳnh Hữu H, sinh năm 1985; Huỳnh Hải H1, sinh năm 1988; Huỳnh Thị Quyền T2, sinh năm 1995. Các con chung đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà Tuyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Huỳnh Thanh T1*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T1 không tham gia và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Đinh Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Thanh T1. Ông Huỳnh Thanh T1 là bị đơn hiện đang cư trú tại Ấp 5, xã L, tỉnh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh. Bị đơn ông Huỳnh Thanh T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án xét xử vắng mặt ông Huỳnh Thanh T1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị T và ông Huỳnh Thanh T1 tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức đám cưới vào năm 1983 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà Tt và ông T1 là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2012, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Đối với ông T1, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T1 không tham gia giải quyết vụ án mà có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông

T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đinh Thị T đối với ông Huỳnh Thanh T1 theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Huỳnh Hữu H, sinh năm 1985; Huỳnh Hải H1, sinh năm 1988; Huỳnh Thị Quyền T2, sinh năm 1995. Các con chung đã trưởng thành, có khả năng tự lập, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Đinh Thị T thuộc đối tượng người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí Tòa án. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Đinh Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn của nguyên đơn bà Đinh Thị T đối với bị đơn ông Huỳnh Thanh T1.

Về hôn nhân: Bà Đinh Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T1.

[2] Về án phí sơ thẩm: Bà Đinh Thị T thuộc trường hợp được miễn án phí.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 6;
- Phòng THADS khu vực 6;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Lộc